TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VN
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/DS-ST
Ngày: 09 - 02 - 2018
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VN, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Kim Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Loan

2. Ông Võ Hữu Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Phan Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V N, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện V N, tỉnh Khánh Hòa *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Pháp - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VN - tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2017/TLST- DS ngày 06 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXX-ST ngày 10 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà Hồ Thị P - sinh năm: 1967; trú tại: Thôn Tây Bắc 1, xã Đ L, huyện VN, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

2. Bị đơn:

Bà Nguyễn Thị L (tên gọi khác: Liên) - sinh năm 1966; trú tại: Thôn Đ B, xã Đ L, huyện V N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 03 tháng 10 năm 2017 lời khai ngày 06/10/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hồ Thị P trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên vào năm 2007 bà Hồ Thị P cho bà Nguyễn Thị L, trú tại thôn Đ B, xã Đ L, huyện V N, tỉnh Khánh Hòa vay số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để trang trải công việc gia đình. Sau đó bà L có trả cho bà P 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Còn nợ lại 5.000.000đồng (năm triệu đồng) tiền nợ gốc. Lãi suất thỏa thuận 1,2%tháng/5.000.000 đồng tiền nợ gốc.

Đến ngày 28/5/2013 bà Long tiếp tục vay của bà Hồ Thị P 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng), để trang trải công việc gia đình, lãi suất hai bên thỏa thuận 1,2%/tháng, thời hạn vay là không kỳ hạn, khi nào bà P yêu cầu thì bà L phải trả nợ gốc. Ngày 28/5/2013 hai bên thống nhất xác nhận bà L còn nợ bà Phượng tiền gốc là 105.000.000đồng (một trăm lẻ năm triệu đồng), gồm 5.000.000đồng + 100.000.000đồng, bà Bà L viết giấy xác nhận nợ. Sau đó, bà Long không trả bất cứ một khoản tiền gốc và lãi nào mặc dù bà Phượng nhiều lần yêu cầu bà L trả nợ nhưng bà L hứa hẹn, trốn tránh không trả.

Bà Hồ Thị P xác định hiện tại bà Nguyễn Thị L còn nợ bà P là 175.560.000đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng). Bao gồm: tiền nợ gốc 105.000.000đồng (một trăm lẻ năm triệu đồng) + tiền lãi phát sinh trên nợ gốc (tính từ ngày 28/5/2013 đến ngày xét xử ngày 09/02/2018 là 56 tháng 12 ngày) nhưng bà P chỉ yêu cầu 56 tháng và lãi suất là 1,2%/tháng/trên nợ gốc: 105.000.000đồng x 56 tháng x 1,2%/tháng = 70.560.000đồng (bảy mươi triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Bà P yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải trả toàn bộ số tiền 175.560.000đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền gốc và tiền lãi một lần.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng căn cứ vào bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 12/10/2017 bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Vào năm 2007 bà L vay của bà Hồ Thị P, trú tại thôn TB1, xã Đ L, huyện V N, tỉnh Khánh Hòa số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để trang trải công việc gia đình. Sau đó bà L có trả cho bà P 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) tiền nợ gốc. Còn lại bà L còn nợ bà Phượng 5.000.000đồng (năm triệu đồng) tiền nợ gốc.

Vào khoảng năm 2010 bà L tiếp tục vay của bà P nhiều lần tổng cộng là 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng) tiền gốc. Tiền lãi hai bên thỏa thuận miệng với nhau, sau đó bà L có trả tiền lãi cho bà p nhiều lần trên số nợ gốc. Đến ngày 28/5/2013 hai bên thống nhất xác nhận bà Lcòn nợ bà P tiền gốc là 105.000.000đồng (một trăm lẻ năm triệu đồng), bao gồm: 5.000.000đồng + 100.000.000đồng. Bà L viết giấy xác nhận nợ ngày 28/5/2013. Sau đó bà L có trả tiền lãi trên nợ gốc cho bà P từ tháng 5/2013 đến tháng 8/2015, mỗi tháng 5.000.000đồng (năm triệu đồng)/tháng. Việc bà L trả lãi cho bà P không lập giấy tờ, chứng cứ gì. Từ sau tháng 8/2015 bà L không trả bất cứ một khoản tiền gốc và lãi nào cho bà P.

Bà L xác định hiện tại bà L còn nợ bà P là 105.000.000đồng (một trăm lẻ năm triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi phát sinh trên nợ gốc. Nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn bà L yêu cầu được trả mỗi tháng 3.000.000đồng(ba triệu đồng)/tháng cho đến khi hết số nợ gốc là 105.000.000đồng. Số tiền lãi phát sinh trên nợ gốc bà L xin không trả. Số tiền lãi bà L đã trả cho bà P, bà L không yêu cầu giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn bà Nguyễn Thị L để hòa giải nhưng bà L không có mặt nên Toà án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm

phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Thị Phượng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Llà bị đơn đã được Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị L.

[2] Nguyên đơn bà Hồ Thị Pyêu cầu bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả cho bà P 175.560.000đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng). Bao gồm: tiền nợ gốc 105.000.000đồng (một trăm lẻ năm triệu đồng) + tiền lãi phát sinh trên nợ gốc 70.560.000đồng (bảy mươi triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

[3] Căn cứ vào các giấy mượn tiền của bà Hồ Thị P và bà Nguyễn Thị L được xác lập ngày 28/5/2013, lời khai của bị đơn bà Nguyễn Thị L trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn bà Hồ Thị P và bị đơn bà Nguyễn Thị Lđều thống nhất: Bà L có vay của bà P nhiều lần tổng cộng tiền vay là 105.000.000đồng (một trăm lẻ năm triệu đồng), lãi suất hai bên thỏa thuận miệng, thời hạn trả nợ không xác định, đến khi nào bà P yêu cầu thì bà L trả số nợ gốc nói trên. Sau khi vay bà L không trả bất cứ một khoản nợ gốc và lãi nào cho bà P mặc dù bà Pyêu cầu bà L trả khoản nợ trên rất nhiều lần nhưng bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà P mà hai bên đã cam kết trong hợp đồng vay. Do đó bà L đã vi phạm về thời gian thanh toán nợ gốc và lãi mà hai bên đã cam kết theo qui định tại khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 12/10/2017 bà L trình bày: Sau khi vay bà L có trả lãi cho bà P trên nợ gốc đã vay từ tháng 5/2013 đến tháng 8/2015 nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà L không cung cấp được các giấy tờ, tài liệu để chứng minh cho việc bà đã trả lãi cho bà P và bà L không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết số tiền lãi mà bà L đã trả cho bà P nên không có cơ sở giải quyết. Mặc dù bà L khai đã trả lãi cho bà P như trên nhưng bà L vẫn xác định ngoài nợ gốc bà L còn nợ bà P tiền lãi tại thời điểm bà Lg trình bày (ngày 12/10/2017) là 66.780.000 đồng như yêu cầu của bà P về lãi suất là 1,2%/105.000.000đồng/tháng như vậy có đủ cơ sở để xác định giữa bà Long và bà P đã thỏa thuận về lãi suất, không có tranh chấp về lãi suất và việc bà P yêu cầu bà L trả lãi 1,2%/tháng, tính tới ngày xét xử, ngày 09/02/2018. (105.000.000đồng x 56 tháng x 1,2%/tháng = 70.560.000đồng). Không vượt quá 20%/năm (1,6%/tháng) theo quy định khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Bà L yêu cầu được trả nợ gốc mỗi tháng là 3.000.000đồng (ba triệu đồng)/tháng cho đến khi hết số nợ gốc là 105.000.000đồng (một trăm lẻ năm triệu đồng). Số tiền lãi trên nợ gốc bà L yêu cầu không được trả. Tại phiên tòa bà P không chấp nhận yêu cầu trên của bà L. Trong quá trình giải quyết vụ án bà L đã được Tòa

án triệu tập nhiều lần để hòa giải nhưng bà L không có mặt nên không thể tiến hành hòa giải được, tại phiên tòa bà L vắng mặt nên không có cơ sở để xem xét yêu cầu trên của bà L. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị P số tiền 175.560.000đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng). Trong đó: tiền nợ gốc 105.000.000đồng (một trăm lẻ năm triệu đồng) + tiền lãi phát sinh trên nợ gốc 70.560.000đồng (bảy mươi triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) là đúng quy định của luật.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 271, Điều 273 điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Thị P.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Hồ Thị Phượng 175.560.000đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Quy định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

+ Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.778.000đồng (tám triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

+ Nguyên đơn bà Hồ Thị P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả lại cho bà Hồ Thị Phượng số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.294.500đồng (bốn triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013761 ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V N, tỉnh Khánh Hòa.

3. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện VN ;
- Chi cục THA huyện V N;
(Sau khi án có hiệu lực pháp luật);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu vụ án

Lê Kim Trọng